

# TÌNH HÌNH LIÊN KẾT KINH TẾ GIỮA DOANH NGHIỆP VÀ NÔNG HỘ TRONG SẢN XUẤT CÂY CÔNG NGHIỆP DÀI NGÀY TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

● NGUYỄN THANH PHƯƠNG

## TÓM TẮT:

Đắk Lắk là một tỉnh nằm ở trung tâm Tây Nguyên với nhiều lợi thế phát triển nông nghiệp đặc biệt là cây công nghiệp dài ngày (hồ tiêu, cà phê, cao su, điều) có giá trị kinh tế cao... Vì vậy, để sản xuất và tiêu thụ các loại cây này được đảm bảo chất lượng, trong thời gian tới, Tỉnh cần chú trọng hơn nữa đến vấn đề liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp và nông hộ. Bài viết này phân tích tình hình liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp và nông hộ trong sản xuất cây công nghiệp dài ngày trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, từ đó đề xuất một số giải pháp thúc đẩy liên kết hiệu quả hơn trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Liên kết kinh tế, doanh nghiệp, nông hộ, cây công nghiệp dài ngày, tỉnh Đắk Lắk.

## 1. Thực trạng liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp và nông hộ trong sản xuất cây công nghiệp dài ngày trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

### 1.1. Quy mô liên kết

Liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp và nông hộ là hoạt động tương đối phổ biến trong sản xuất cây công nghiệp dài ngày trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Theo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk, tỷ lệ diện tích cà phê, hồ tiêu, điều, cao su liên kết kinh tế là 226.558ha, chiếm 74,28% diện tích sản xuất (Bảng 1), doanh nghiệp và nông hộ đang có khá nhiều mối liên kết với nhau trong quá trình sản xuất cây công nghiệp dài ngày.

Tại Đắk Lắk, mặc dù liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp và nông hộ là hoạt động khá phổ biến trong sản xuất cây công nghiệp dài ngày, song mức độ phổ biến này cũng có sự khác biệt. Trong các cây công nghiệp dài ngày, thì cà phê và hồ tiêu là những đối tượng có hoạt động liên kết kinh tế phổ biến nhất chiếm hơn 90%. Trong khi đó, sản xuất cao su và điều chỉ chiếm lần lượt là 13,24% và 7,26% và phần lớn không xuất hiện liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp và nông hộ.

Cũng theo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk, trong giai đoạn năm 2013-2017, quy mô diện tích liên kết của các cây công nghiệp dài ngày trên địa bàn Tỉnh được mở rộng

**Bảng 1. Quy mô liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp và nông hộ trong sản xuất cây công nghiệp dài ngày trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

STT	Chỉ tiêu	2013	2014	2015	2016	2017
1	<b>Diện tích liên kết</b>	201.605	205.977	210.455	216.331	226.558
	Cà phê	184.863	185.069	184.719	185.061	185.022
	Hồ tiêu	9.974	14.468	19.270	24.844	34.769
	Điều	1.636	1.290	1.319	1.333	1.683
	Cao su	5.132	5.151	5.146	5.093	5.083
2	<b>% diện tích liên kết</b>	72,50	73,31	73,78	74,30	74,28
	Cà phê	90,81	90,83	90,83	90,83	90,34
	Hồ tiêu	90,00	90,00	90,00	90,05	90,04
	Điều	6,98	6,29	6,60	6,30	7,26
	Cao su	12,83	12,68	12,71	13,16	13,24
3	<b>Có hợp đồng (%)</b>	13,64	12,22	13,24	11,75	10,36
	Cà phê	12,10	10,82	12,30	10,91	9,86
	Hồ tiêu				0,60	0,43
	Điều					
	Cao su	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00

*Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ số liệu của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk*

theo các năm, tuy nhiên sự mở rộng này là không lớn, bình quân mỗi năm chỉ tăng 2,96%. Trong đó, diện tích liên kết cây hồ tiêu tăng mạnh, diện tích liên kết cây cà phê, điều tăng nhẹ, trong khi đó diện tích liên kết cây cao su giảm.

Liên kết kinh tế trong sản xuất cà phê và hồ tiêu là hoạt động khá phổ biến, nhưng liên kết bằng hình thức hợp đồng thì khá khiêm tốn. Bảng 1 cho thấy, liên kết kinh tế có hợp đồng chỉ chiếm 10,36% tổng số liên kết kinh tế được thực hiện. Thực tế cho thấy, liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp và nông hộ trong sản xuất cây công nghiệp dài ngày trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk hiện nay chủ yếu được hình thành dựa trên sự tin

tưởng và quen biết lâu dài, việc xây dựng hợp đồng để tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động liên kết chưa được nhiều chủ thể tham gia liên kết kinh tế xem trọng.

Bên cạnh đó, liên kết kinh tế bằng hình thức hợp đồng cũng có sự khác biệt giữa các đối tượng cây công nghiệp dài ngày. Cụ thể, cao su là đối tượng có tỷ lệ liên kết có hợp đồng cao nhất, hầu hết liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp và nông hộ trong cây cao su đều có hợp đồng. Ngược với cây cao su, thì cây hồ tiêu chỉ đến năm 2016, 2017 mới có liên kết kinh tế bằng hình thức hợp đồng nhưng số lượng rất ít. Còn với cây điều chưa có liên kết hợp đồng.

Ngoài ra, Bảng 1 cũng cho thấy, liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp và nông hộ trong sản xuất cây công nghiệp dài ngày trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk được thực hiện bằng hình thức hợp đồng còn khiêm tốn và không được cải thiện trong giai đoạn năm 2013-2017, thậm chí bị giảm. Năm 2013, tỷ lệ liên kết kinh tế có hợp đồng là 13,64%, tuy nhiên, đến năm 2017, chỉ tiêu này chỉ còn 10,36%, giảm 3,28%.

**1.2. Các hình thức liên kết**

Theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP, ngày 05/07/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất

và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, thì liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp trong sản xuất nông nghiệp có 7 hình thức. Dưa trên cách tiếp cận của Nghị định số 98, theo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk, liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp và nông hộ trong sản xuất cây công nghiệp dài ngày trên địa bàn Tỉnh gồm 04 hình thức như sau:

- (1) Hình thức 1: Cung ứng - Sản xuất - Thu hoạch - Chế biến -Tiêu thụ (CU-SX-TH-CB-TH).
- (2) Hình thức 2: Cung ứng - Tiêu thụ (CU-TT).
- (3) Hình thức 4: Cung ứng - Sản xuất - Thu hoạch - Tiêu thụ (CU-SX-TH-TT).

**Bảng 2. Hình thức liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp và nông hộ trong sản xuất cây công nghiệp dài ngày trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

STT	Chỉ tiêu	Hình thức 1: CU-SX-TH-CB-TT	Hình thức 2: CU-TT	Hình thức 3: SX-TH-TT	Hình thức 4: CU-SX-TH-TT	Hình thức 5: SX-TH-CB-TT	Hình thức 6: CU-CB-TT	Hình thức 7: CB-TT	Tổng
1	Diện tích (ha)	39	177.955		21.094	27.470			226.558
	Cà phê	39	140.979		16.585	27.420			185.022
	Hồ tiêu		34.619		100	50			34.769
	Điếu		1.683						1.683
	Cao su		674		4.409				5.083
2	Tỷ trọng diện tích liên kết (%)	0,02	78,55		9,31	12,12			100,00
	Cà phê	0,02	76,20		8,96	14,82			100,00
	Hồ tiêu		99,57		0,29	0,14			100,00
	Điếu		100,00						100,00
	Cao su		13,26		86,74				100,00

*Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ số liệu của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk*

(4) Hình thức 5: Sản xuất - Thu hoạch - Chế biến - Tiêu thụ (SX-TH-CB-TT).

Bảng 2 cho thấy, trong các hình thức liên kết kinh tế thì hình thức 2 (CU-TT) là phổ biến nhất, chiếm tới 78,55% số liên kết; hình thức 1 (CU-SX-TH-CB-TT) có xuất hiện nhưng ít phổ biến chỉ chiếm 0,02% diện tích cây công nghiệp dài ngày có liên kết; hình thức 4 (CU-SX-TH-TT) và hình thức 5 (SX-TH-CB-TT) xuất hiện ở một số vùng sản xuất cây công nghiệp dài ngày với diện tích lần lượt là 9,31% và 12,12 % tổng diện tích liên kết.

Liên kết càng nhiều khâu càng thể hiện tính chặt chẽ hay độ sâu của liên kết, tuy nhiên, hình thức liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp và nông hộ trong sản xuất cây công nghiệp dài ngày tại Đắk Lắk chỉ phổ biến ở hình thức 2, với 2 khâu là cung ứng và tiêu thụ sản phẩm. Điều này cho thấy, độ sâu liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp và nông hộ trong sản xuất cây công nghiệp dài ngày vẫn còn nhiều hạn chế.

### 1.3. Thực hiện liên kết

Dựa trên kết quả điều tra của tác giả theo hình thức phỏng vấn trực tiếp đối với 275 người (204 nông hộ, 71 chủ doanh nghiệp - hợp tác xã) trên địa bàn các huyện có sản xuất cây công nghiệp dài ngày tại tỉnh Đắk Lắk là: TP. Buôn Ma Thuột, huyện Cư M'gar, huyện Ea H'Leo, huyện Cư Kuin, huyện Krông Năng, huyện Krông Búk, huyện Krông Pắc, tình hình thực hiện liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp và nông hộ trong sản xuất cây cà phê, hồ tiêu, cao su, điều đã có nhiều điểm đáng ghi nhận, tuy nhiên vẫn còn những hạn chế. Cụ thể:

*Đối với hình thức 1 (CU-SX-TH-CB-TT):* Số nông hộ thực hiện tốt cam kết về quy trình kỹ thuật sản xuất bền vững và chất lượng sản phẩm là 87,95%; số nông hộ thực hiện tốt cam kết về giá cả, số lượng lần lượt là 98,5% và 82,75%; số nông hộ thực hiện tốt cam kết về thanh toán là 92,75%; và 84,5% số hộ cho rằng, quá trình xử lý các phát sinh ngoài ý muốn hợp lý.

Bên cạnh đó, vẫn còn khoảng 12,15 % số nông hộ liên kết vẫn chưa thực hiện tốt cam kết về quy trình kỹ thuật sản xuất bền vững, điều này dẫn

đến chất lượng không đảm bảo so với cam kết ban đầu, ảnh hưởng đến hiệu quả và lòng tin với doanh nghiệp trong quá trình liên kết kinh tế.

*Đối với hình thức thứ 2 (CU-TT):* Số nông hộ thực hiện tốt về cam kết thanh toán tiền vật tư, tiền vay tại thời điểm thực hiện khảo sát là 86,76%. Tuy nhiên, chỉ số này có thể thay đổi theo các năm, tùy thuộc vào nông sản, nếu giá cao thì tỷ lệ này sẽ cao hơn.

Tại thời điểm thực hiện khảo sát, 95,27% số nông hộ cho rằng, quá trình xử lý các rủi ro phát sinh là phù hợp. Nhưng chỉ số này cũng thay đổi theo các năm, giá nông sản giảm sẽ làm hiệu quả xử lý rủi ro bị giảm đi.

*Đối với hình thức thứ 3 (CU-SX-TH-TT):* 100% số hộ thực hiện tốt về cam kết thu hoạch (không thu hoạch quả xanh) và cam kết về chất lượng cà phê; 95,42 % số hộ thanh toán tiền ứng trước vật tư, tiền vay theo đúng cam kết ban đầu, 97,15% số hộ thực hiện đúng cam kết về thời gian và số lượng.

Tuy nhiên hiện nay, một số nội dung trong hợp đồng liên kết đã không còn phù hợp với tình hình thực tế, nhưng nhiều doanh nghiệp chưa thay đổi.

*Đối với hình thức thứ 4 (SX-TH-CB-TT):* 95,98% số hộ sử dụng đúng mục đích các hỗ trợ của doanh nghiệp; số hộ thực hiện tốt cam kết về quy trình kỹ thuật sản xuất bền vững và chất lượng sản phẩm là 89,36%; số nông hộ thực hiện tốt cam kết về giá cả, số lượng là 97,85%; và 80,17% số hộ cho rằng quá trình xử lý các phát sinh ngoài ý muốn hợp lý.

Mặc dù vậy, mô hình này vẫn còn khoảng 10,64 % số nông hộ liên kết chưa thực hiện tốt cam kết về quy trình kỹ thuật sản xuất bền vững, điều này dẫn đến chất lượng không đảm bảo so với cam kết ban đầu, ảnh hưởng đến hiệu quả và lòng tin với doanh nghiệp trong quá trình liên kết kinh tế.

## 2. Đề xuất một số giải pháp

Để thúc đẩy liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp và nông hộ trong sản xuất cây công nghiệp dài ngày trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, tác giả đề xuất một số giải pháp sau:

Ngoài ra, Bảng 1 cũng cho thấy, liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp và nông hộ trong sản xuất cây công nghiệp dài ngày trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk được thực hiện bằng hình thức hợp đồng còn khiêm tốn và không được cải thiện trong giai đoạn năm 2013-2017, thậm chí bị giảm. Năm 2013, tỷ lệ liên kết kinh tế có hợp đồng là 13,64%, tuy nhiên, đến năm 2017, chỉ tiêu này chỉ còn 10,36%, giảm 3,28%.

**1.2. Các hình thức liên kết**

Theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP, ngày 05/07/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất

và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, thì liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp trong sản xuất nông nghiệp có 7 hình thức. Dựa trên cách tiếp cận của Nghị định số 98, theo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk, liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp và nông hộ trong sản xuất cây công nghiệp dài ngày trên địa bàn Tỉnh gồm 04 hình thức như sau:

- (1) Hình thức 1: Cung ứng - Sản xuất - Thu hoạch - Chế biến -Tiêu thụ (CÚ-SX-TH-CB-TH).
- (2) Hình thức 2: Cung ứng - Tiêu thụ (CÚ-TT).
- (3) Hình thức 4: Cung ứng - Sản xuất - Thu hoạch - Tiêu thụ (CÚ-SX-TH-TT).

**Bảng 2. Hình thức liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp và nông hộ trong sản xuất cây công nghiệp dài ngày trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

STT	Chỉ tiêu	Hình thức 1: CÚ-SX-TH-CB-TT	Hình thức 2: CÚ-TT	Hình thức 3: SX-TH-TT	Hình thức 4: CÚ-SX-TH-TT	Hình thức 5: SX-TH-CB-TT	Hình thức 8: CÚ-CB-TT	Hình thức 7: CB-TT	Tổng
1	Diện tích (ha)	39	177.955		21.094	27.470			226.558
	Cà phê	39	140.979		16.585	27.420			185.022
	Hồ tiêu		34.619		100	50			34.769
	Điều		1.683						1.683
	Cao su		674		4.409				5.083
2	Tỷ trọng diện tích liên kết (%)	0,02	78,55		9,31	12,12			100,00
	Cà phê	0,02	76,20		8,96	14,82			100,00
	Hồ tiêu		99,57		0,29	0,14			100,00
	Điều		100,00						100,00
	Cao su		13,26		86,74				100,00

*Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ số liệu của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk*

(4) Hình thức 5: Sản xuất - Thu hoạch - Chế biến - Tiêu thụ (SX-TH-CB-TT).

Bảng 2 cho thấy, trong các hình thức liên kết kinh tế thì hình thức 2 (CU-TT) là phổ biến nhất, chiếm tới 78,55% số liên kết; hình thức 1 (CU-SX-TH-CB-TT) có xuất hiện nhưng ít phổ biến chỉ chiếm 0,02% diện tích cây công nghiệp dài ngày có liên kết; hình thức 4 (CU-SX-TH-TT) và hình thức 5 (SX-TH-CB-TT) xuất hiện ở một số vùng sản xuất cây công nghiệp dài ngày với diện tích lần lượt là 9,31% và 12,12% tổng diện tích liên kết.

Liên kết càng nhiều khâu càng thể hiện tính chặt chẽ hay độ sâu của liên kết, tuy nhiên, hình thức liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp và nông hộ trong sản xuất cây công nghiệp dài ngày tại Đắk Lắk chỉ phổ biến ở hình thức 2, với 2 khâu là cung ứng và tiêu thụ sản phẩm. Điều này cho thấy, độ sâu liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp và nông hộ trong sản xuất cây công nghiệp dài ngày vẫn còn nhiều hạn chế.

### 1.3. Thực hiện liên kết

Dựa trên kết quả điều tra của tác giả theo hình thức phỏng vấn trực tiếp đối với 275 người (204 nông hộ, 71 chủ doanh nghiệp - hợp tác xã) trên địa bàn các huyện có sản xuất cây công nghiệp dài ngày tại tỉnh Đắk Lắk là: TP. Buôn Ma Thuột, huyện Cư M'gar, huyện Ea H'Leo, huyện Cư Kuin, huyện Krông Năng, huyện Krông Búk, huyện Krông Pắc, tình hình thực hiện liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp và nông hộ trong sản xuất cây cà phê, hồ tiêu, cao su, điều đã có nhiều điểm đáng ghi nhận, tuy nhiên vẫn còn những hạn chế. Cụ thể:

*Đối với hình thức 1 (CU-SX-TH-CB-TT):* Số nông hộ thực hiện tốt cam kết về quy trình kỹ thuật sản xuất bền vững và chất lượng sản phẩm là 87,95%; số nông hộ thực hiện tốt cam kết về giá cả, số lượng lần lượt là 98,5% và 82,75%; số nông hộ thực hiện tốt cam kết về thanh toán là 92,75%; và 84,5% số hộ cho rằng, quá trình xử lý các phát sinh ngoài ý muốn hợp lý.

Bên cạnh đó, vẫn còn khoảng 12,15% số nông hộ liên kết vẫn chưa thực hiện tốt cam kết về quy trình kỹ thuật sản xuất bền vững, điều này dẫn

đến chất lượng không đảm bảo so với cam kết ban đầu, ảnh hưởng đến hiệu quả và lòng tin với doanh nghiệp trong quá trình liên kết kinh tế.

*Đối với hình thức thứ 2 (CU-TT):* Số nông hộ thực hiện tốt về cam kết thanh toán tiền vật tư, tiền vay tại thời điểm thực hiện khảo sát là 86,76%. Tuy nhiên, chỉ số này có thể thay đổi theo các năm, tùy thuộc vào nông sản, nếu giá cao thì tỷ lệ này sẽ cao hơn.

Tại thời điểm thực hiện khảo sát, 95,27% số nông hộ cho rằng, quá trình xử lý các rủi ro phát sinh là phù hợp. Nhưng chỉ số này cũng thay đổi theo các năm, giá nông sản giảm sẽ làm hiệu quả xử lý rủi ro bị giảm đi.

*Đối với hình thức thứ 3 (CU-SX-TH-TT):* 100% số hộ thực hiện tốt về cam kết thu hoạch (không thu hoạch quả xanh) và cam kết về chất lượng cà phê, 95,42% số hộ thanh toán tiền ứng trước vật tư, tiền vay theo đúng cam kết ban đầu; 97,15% số hộ thực hiện đúng cam kết về thời gian và số lượng.

Tuy nhiên hiện nay, một số nội dung trong hợp đồng liên kết đã không còn phù hợp với tình hình thực tế, nhưng nhiều doanh nghiệp chưa thay đổi.

*Đối với hình thức thứ 4 (SX-TH-CB-TT):* 95,98% số hộ sử dụng đúng mục đích các hỗ trợ của doanh nghiệp; số hộ thực hiện tốt cam kết về quy trình kỹ thuật sản xuất bền vững và chất lượng sản phẩm là 89,36%; số nông hộ thực hiện tốt cam kết về giá cả, số lượng là 97,85%; và 80,17% số hộ cho rằng quá trình xử lý các phát sinh ngoài ý muốn hợp lý.

Mặc dù vậy, mô hình này vẫn còn khoảng 10,64% số nông hộ liên kết chưa thực hiện tốt cam kết về quy trình kỹ thuật sản xuất bền vững, điều này dẫn đến chất lượng không đảm bảo so với cam kết ban đầu, ảnh hưởng đến hiệu quả và lòng tin với doanh nghiệp trong quá trình liên kết kinh tế

## 2. Đề xuất một số giải pháp

Để thúc đẩy liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp và nông hộ trong sản xuất cây công nghiệp dài ngày trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, tác giả đề xuất một số giải pháp sau:

*Thứ nhất*, cải thiện thể chế liên kết kinh tế thông qua hợp đồng và nâng cao hiệu quả vai trò trọng tài của các cơ quan nhà nước đối với liên kết kinh tế, như: ban hành Bộ luật phục vụ riêng cho quá trình xử lý tranh chấp giữa doanh nghiệp và nông hộ trong sản xuất nông nghiệp; nghiên cứu và hoàn thiện khâu xét xử để giảm các chi phí cho các bên tham gia xét xử.

Bên cạnh đó, cần xây dựng mẫu hợp đồng chuẩn phục vụ cho quá trình liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp và nông hộ.

*Thứ hai*, để triển khai hiệu quả Nghị định số 98/2018/NĐ-CP cần tăng cường các hoạt động truyền thông đến các doanh nghiệp, nông hộ, từ đó khuyến khích họ tạo lập và thực hiện liên kết. Đồng thời, cần có 1 bộ phận hỗ trợ chuyên tư vấn miễn phí cho doanh nghiệp và nông hộ các nội dung liên quan đến quá trình triển khai liên kết theo Nghị định này.

*Thứ ba*, cần nâng cao hiệu quả xử lý rủi ro và những tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện liên kết kinh tế để làm giảm các mâu thuẫn giữa các bên tham gia, nâng cao hiệu quả quá trình tổ chức thực hiện liên kết bảo đảm tính bền

vững của liên kết kinh tế. Ngoài ra, tham khảo các cách xử lý rủi ro, phát sinh hiệu quả ở các mô hình liên kết trước đây để phục vụ cho quá trình xử lý rủi ro, phát sinh trong quá trình liên kết của chính chủ thể.

*Thứ tư*, cần nâng cao hiệu quả thực hiện cam kết thanh toán trong quá trình liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp và nông hộ. Theo đó, doanh nghiệp và nông hộ cần nhận thức rõ những tác động tiêu cực của việc thực hiện không đúng theo cam kết ban đầu và cần có sự tính toán hợp lý về phương án tài chính khi thương thảo và thống nhất.

*Thứ năm*, cần đảm bảo cung ứng sản phẩm đúng chất lượng theo cam kết ban đầu để tạo niềm tin giữa các bên và nâng cao tính bền vững của các liên kết kinh tế. Để cải thiện vấn đề này, trong nội dung cam kết, các nông hộ cần đưa những điều khoản phản ánh những trường hợp khách quan mà họ không thể cung ứng sản phẩm đúng chất lượng so với yêu cầu của doanh nghiệp. Đồng thời, cần nghiêm túc nghiên cứu, áp dụng đúng quy trình kỹ thuật do doanh nghiệp đề xuất, yêu cầu ■

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Chính phủ (2018). *Nghị định số 98/2018/NĐ-CP, ngày 05/07/2018 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.*
2. *Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk (2013-2017). Báo cáo Tổng kết niên vụ cà phê từ năm 2013-2017 và Kế hoạch niên vụ cà phê năm tiếp theo.*
3. *Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk (2013-2017). Báo cáo Tổng kết niên vụ hồ tiêu từ năm 2013-2017 và Kế hoạch niên vụ hồ tiêu năm tiếp theo.*
4. *Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk (2013-2017). Báo cáo Tổng kết niên vụ điều từ năm 2013-2017 và Kế hoạch niên vụ điều năm tiếp theo.*
5. *Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk (2013-2017). Báo cáo Tổng kết niên vụ cao su từ năm 2013-2017 và Kế hoạch niên vụ cao su năm tiếp theo.*

Ngày nhận bài: 15/2/2019

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 25/2/2019

Ngày chấp nhận đăng bài: 7/3/2019

*Thông tin tác giả:*

**NGUYỄN THANH PHƯƠNG**

Trung tâm Phát triển Nông thôn Tây Nguyên

**CURRENT SITUATION OF ECONOMIC  
LINKAGES BETWEEN ENTERPRISES  
AND FARM HOUSEHOLDS IN THE PRODUCTION  
OF LONG-TERM INDUSTRIAL CROPS  
IN DAK LAK PROVINCE**

● **NGUYEN THANH PHUONG**

Central Highlands Rural Development Center

**ABSTRACT:**

Dak Lak is a province located in the center of Central Highlands with many advantages of agricultural development, especially long-term industrial crops (pepper, coffee, rubber, cashew) which have high economic value. Hence, the provincial authorities should pay more attention to the issue of economic linkage between farm households and enterprises in order to ensure the production and consumption of long-term industrial crops. This article analyzes the situation of economic linkages between enterprises and farm households in the production of long-term industrial crops in Dak Lak Province, thereby proposing some solutions to promote the effectiveness of these economic linkages in the coming time.

**Keywords:** Economic link, enterprise, farm households, long-term industrial crops, Dak Lak Province.